TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/HSST
Ngày: 15-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1985; Trú quán: Thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 05 tháng 7 năm 2017, tạm giam ngày 14 tháng 7 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1999; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Văn Tùng bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại Quốc lộ 5 thuộc thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS 16F3 – 7671 theo chiều Hải Phòng – Hà Nội thì phát hiện chị Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1999, ở thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, đang dắt bộ xe mô tô đi phía trước cùng chiều trên làn đường xe thô sơ, trên vai đeo 01 túi xách. Do cần tiền sử dụng ma túy nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi xách của chị T. T điều khiển xe mô tô đi lên ngang bằng xe của chị T về phía bên trái và hỏi chị T: "Xe em bị làm sao?", chị T trả lời "Xe em bị hết xăng". T nói: "Cây xăng ngay bên

trên, sắp tới nơi rồi". Ngay sau đó, T dùng tay phải nắm lấy quai túi xách của chị T giật mạnh làm đứt quai, T chuyển túi xách vừa giật được sang tay trái rồi điều khiển xe quay đầu chạy ngược chiều đường bỏ chạy vào khu vực Trạm bơm thủy lợi thôn B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tại đây, T mở túi xách kiểm tra thấy bên trong có 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 thỏi son, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T và 400.000 đồng. T lấy điện thoại, thẻ căn cước và 400.000 đồng, còn lại túi xách và thỏi son, T mang vứt xuống cống thoát nước khu công nghiệp Nomura. Sau đó, T mang chiếc điện thoại Iphone 6 đến cửa hàng của anh Phan Thượng Hoàng Anh P, sinh năm 1983, địa chỉ số 4CT3/C2, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng bán được 1.100.000 đồng. Bán xong điện thoại, T đi đến đường tàu đoạn ngã tư Bệnh viện Việt Tiệp mua 300.000 đồng ma túy Heroine và đi về Nghĩa trang liệt sỹ quận H sử dụng hết. Chiếc thẻ căn cước của chị T, T mang về nhà chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985, ở thôn N, N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và dùng lửa đốt cháy hết 3/4 chiếc thẻ căn cước trên rồi vứt vào thùng đựng thuốc lào nhà chị M. Đến ngày 05 tháng 7năm 2017, Lê Văn T bị Cơ quan điều tra bắt giữ theo lệnh bắt khẩn cấp.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ tại cửa hàng điện thoại của anh Phan Thượng Hoàng Anh P 01 chiếc điện thoại di động iPhone 6 màu vàng do T bán cho anh P; 01 thẻ căn cước công dân bị đốt cháy 3/4 tại nhà chị Nguyễn Thị M; 01 túi xách bằng da màu nâu – đen bên trong có 01 thỏi son do anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 là bảo vệ khu công nghiệp Nomura giao nộp; thu giữ của bị can Lê Văn T số tiền 1.285.000 đồng.

Tại bản Tại bản kết luận giám định ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện A kết luận: 01 chiếc túi xách giả gia màu nâu – đen đã qua sử dụng, trị giá 100.000 đồng; 01 thỏi son P2 Full Color Lipstick đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng; 01 điện thoại di động iPhone 6 Gold, trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản định giá là 4.650.000 đồng. Do đó tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được của chị Nguyễn Thị Thu T là 5.050.000đ

Tại Cáo trạng số 51/CT- VKS ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Cướp giật tài sản theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự .

Trong vụ án còn có anh Phan Thượng Hoàng Anh P là người mua lại chiếc điện thoại iPhone 6 của T nhưng không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người bán ma túy cho T, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tách ra để tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Tại phiên toà bị cáo Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thừa nhận việc cướp giật tài sản là do bột phát, bị cáo không bàn bạc với ai và không có ai tham gia cùng với bị cáo.

Công bố lời khai người bị hại và lời khai của những người làm chứng có nội dung như bị cáo đã khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Cướp giật tài sản và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 42 (Bốn mươi hai) tháng tù đến 48 (Bốn mươi tám) tháng tù.

Về vật chứng : Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 770.000đ, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 330.000đ để sung công quỹ, tạm giữ số tiền 115.000đ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T có hành vi lợi dụng sơ hở của chị Nguyễn Thị Thu T dùng tay phải nắm lấy quai túi xách của chị T giật mạnh làm đứt quai rồi chuyển túi xách vừa giật được sang tay trái rồi điều khiển xe mô tô quay đầu chạy ngược chiều bỏ chạy. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Cướp giật tài sản vi phạm Điều 136 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố là có căn cứ pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, do vậy phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết định khung hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã dùng xe máy làm phương tiện để nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát dễ gây nguy hại đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại và những người tham gia giao thông, hành vi này được coi là "dùng thủ đoạn nguy hiểm" do vậy hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện hoàn trả lại số tiền bán điện thoại cho anh Phan Thượng Hoàng Anh P nên khi lượng hình cần áp dụng điểm b,

p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng trong vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 16F3 - 7671 do chị Nguyễn Thị M làm chủ sở hữu, do không biết việc Tùng sử dụng xe mô tô trên đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị Mai quản lý, sử dụng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T 01 túi xách màu nâu - đen, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, 01 thẻ căn cước công dân bị cháy 3/4, 01 thỏi son đã qua sử dụng và 400.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Bố đẻ của bị can Lê Văn T là ông Lê Văn H đã tự nguyện hoàn trả lại cho anh Phan Thượng Hoàng Anh P số tiền 1.100.000 đồng, anh P không có yêu cầu gì khác. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường; ông Lê Văn H cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại cho ông số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét. Số tiền 1.100.000đ bị cáo bán điện thoại cho anh Phan Thượng Hoàng Anh P là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ. Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số tiền 885.000 đồng trong đó số tiền 770.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên bắt bị cáo phải nộp lại số tiền 330.000đ để sung công quỹ. Số tiền 115.000 đồng là của bị cáo T nên tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Trong vụ án còn có anh Phan Thượng Hoàng Anh P là người mua lại chiếc điện thoại iPhone 6 của T nhưng không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người bán ma túy cho T, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên tách ra để tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Tùng phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 770.000đ (Bẩy trăm bẩy mươi nghìn đồng), tạm giữ số tiền 115.000đ (Một trăm mười lăm nghìn đồng) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp lại số tiền 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000514 ngày 09 tháng 11 năm 2017)

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp;
- Phòng PV 27, PC81;
- Trại tạm giam Công an Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Tươi